

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-04-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tuấn Trường; Bà Trần Thị Kim Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2021/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2021, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGD, ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, Phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Lưu Văn Đ, sinh năm 1967; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, Phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Qua tìm hiểu, bà và ông Lưu Văn Đ về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông Đ có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có một người con chung tên Lưu Thị Diễm S, sinh ngày 29/10/1995, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Lưu Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của bà H, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nên không lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Ông Lưu Văn Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.
- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:
 - + Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.
 - + Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 9, 14, 15, 16, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị không công nhận bà H và ông Đ là vợ chồng; Về con chung đã trưởng thành, về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; Về án phí sơ thẩm thì bà H chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn ông Lưu Văn Đ có nơi cư trú Khu phố N, Phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông Đ đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, bà H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân Phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang nơi bà H và ông Đ cư trú xác nhận ông, bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Từ năm 2003 đến nay, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng bà H và ông Đ vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là không có căn cứ để chấp nhận. Việc bà H và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay mà không đăng ký kết hôn với nhau thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, mà không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông Đ, theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống bà H và ông Đ có một người con chung tên Lưu Thị Diễm S, sinh ngày 29/10/1995, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về quan hệ tài sản chung: Bà H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Bà H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Văn Đ là vợ chồng.

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006574 ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, bà H đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu án án, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Công Triều